

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1 Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
- Tên dự toán mua sắm: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
- Tên Chủ đầu tư: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước theo quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên năm 2025 sau khi sắp xếp
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa, thiết bị chào thầu phải đảm bảo mới 100%, đúng chủng loại theo yêu cầu của E-HSMT, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật với đầy đủ các thông số kỹ thuật kèm theo. Đã bao gồm đầy đủ vật tư, phụ kiện kèm theo để lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành theo yêu cầu của chủ đầu tư
- Thời gian bảo hành cho toàn bộ gói thầu tuân thủ yêu cầu E-HSMT và tối thiểu 12 tháng (các phụ kiện đi kèm bảo hành 03 tháng) hoặc theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng (các phụ kiện đi kèm bảo hành không ít hơn 03 tháng), kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu có thể chào 01 lô hoặc cả 02 lô.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên tài sản
1	Xe ô tô 07 chỗ ngồi, máy dầu, nhãn hiệu Ford Everest Platinum 2.0L AT 4x4 <ul style="list-style-type: none">- Màu sắc: Trắng- Mã kiểu loại: TEK3f03221- Dung tích xi lanh 1996 cc- Nhiên liệu sử dụng: Diesel- Chất lượng: Mới 100%- Số chỗ ngồi: 07 chỗ

- Nước sản xuất: Thái Lan - Năm sản xuất: 2025	
<i>Động cơ & tính năng vận hành/Power and Performance</i>	
Động cơ	Bi-Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi, Trục cam kép, có làm mát khí nạp
Dung tích xi lanh (cc)	1996
Công suất cực đại (PS/vòng/phút) (Ps/rpm)	209.8 (154.3 kW) / 3750
Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)/ (Nm/rpm)	500/1750-2000
Hệ thống truyền động	Hai cầu chủ động /4x4
Hệ thống kiểm soát đường địa hình	Có
Hộp số	Số tự động 10 cấp điện tử
Trợ lực lái	Trợ lực lái điện
<i>Kích thước/Dimension</i>	
Dài x Rộng x Cao (mm)	4914 x 1923 x 1841
Khoảng sáng gầm xe (mm)	200
Chiều dài cơ sở (mm)	2900
Dung tích thùng nhiên liệu (L)	80
<i>Hệ thống treo trước/Front Suspension</i>	
Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng
Hệ thống treo sau	Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu Watts linkage
<i>Hệ thống phanh/Brake system</i>	
Phanh đĩa trước và sau	Phanh đĩa
Phanh tay điện tử	Có
Cỡ lốp	255/55R20
Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 20''
<i>Trang thiết bị an toàn/Safety features</i>	
Túi khí phía trước	Có
Túi khí bên	Có
Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có
Túi khí bảo vệ đầu gối người lái	Có
Camera	Camera 360
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến trước và sau
Hệ thống chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử/ABS & EBD	Có
Hệ thống cân bằng điện tử (ESP)	Có

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
Hệ thống kiểm soát đổ đèo	Có
Hệ thống kiểm soát tốc độ	Tự động
Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo có xe cắt ngang	Có
Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường	Có
Hệ thống cảnh báo va chạm và hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước	Có
Hệ thống kiểm soát áp suất lốp	Có
Hệ thống chống trộm	Có
Trang thiết bị ngoại thất/Exterior	
Đèn phía trước	LED Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc
Đèn pha chống chói tự động	Có
Gạt mưa tự động	Có
Đèn sương mù	Có
Gương chiếu hậu điều chỉnh điện	Gập điện
Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama	Có
Cửa hậu đóng/mở điện	Có
Trang thiết bị bên trong xe/Interior	
Khởi động bằng nút bấm Start	Có
Chìa khóa thông minh Entry	Có
Điều hoà nhiệt độ	Tự động 2 vùng khí hậu
Vật liệu ghế	Da cao cấp có thông gió, sưởi ghế
Tay lái bọc da	Có
Điều chỉnh hàng ghế trước	Ghế lái và ghế khách chỉnh điện 10 hướng có nhớ vị trí ghế lái
Hàng ghế thứ ba gập điện	Có
Gương chiếu hậu trong	Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày/đêm
Cửa kính điều khiển điện	Có (1 chạm lên xuống tích hợp chống kẹt cho cả 2 hàng ghế)
Hệ thống âm thanh	AM/FM, MP3, Ipod & USB, Bluetooth, dàn âm thanh 12 loa B&O
Hệ thống SYNC®	Điều khiển giọng nói SYNC® 4A / Voice Control SYNC® 4A, Màn hình TFT cảm ứng 12",
Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình 12.4"
Sạc không dây	Có

	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có		
	Thiết bị kèm theo xe			
	Sàn 360 Lavor	Có		
	Thảm lót chân Lavor	Có		
	Camera hành trình Vietmap S860	Có		
	Phim cách nhiệt 3M thương gia	Có		
	Phủ bóng Ceramic	Có		
2	Xe ô tô 07 chỗ ngồi, máy xăng, nhãn hiệu Mazda, phiên bản: New Mazda CX8 2.5 Premium			
	<ul style="list-style-type: none"> - Màu sơn: Vàng ánh kim - Năm sản xuất: 2025 - Nước sản xuất, lắp ráp: Việt Nam 			
		STT	Danh mục thông số	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		1	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG	
		-	Số chỗ ngồi	7
		-	Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)	4900* 1840* 1730
		-	Khoảng sáng gầm xe (mm)	200
		-	Chiều dài cơ sở (mm)	2930
		-	Bán kính vòng quay tối thiểu (mm)	5800
		-	Thể tích khoang hành lý (lít)	209-742
		-	Dung tích bình nhiên liệu (L)	72
		2	ĐỘNG CƠ VÀ KHUNG GẦM	
		-	Loại động cơ	Skactiv-G 2.5L
		-	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng trực tiếp
		-	Công suất cực đại (hp/rpm)	188/6000
		-	Mômen xoắn cực đại (N.m/rpm)	252/4000
		-	Hộp số - Chế độ lái	6 AT- Normal/Sport
		-	Lốp xe	225/55 R19
		-	Hệ truyền động	Cầu trước/FWD
		-	Hệ thống treo trước/sau	Độc lập McPherson/Liên kết đa điểm
	-	Hệ thống phanh trước/sau	Đĩa tản nhiệt/Đĩa	
	3	NGOẠI THẤT		
	-	Cụm đèn trước/sau	LED/LED	

-	Cụm đèn trước tự động bật-tắt, cân bằng góc chiếu tự động	Có
-	Đèn trước Led thích ứng thông minh ALH	Có
-	Bộ bước chân	Có
-	Cốp điện điều khiển rảnh tay	Có
4	NỘI THẤT	
-	Chất liệu ghế	Da Napa màu nâu đỏ
-	Hàng ghế thứ nhất chỉnh điện	Có
-	Nhớ vị trí ghế lái	Có
-	Sưởi hàng ghế trước và hàng ghế 02	Có
-	Sưởi tay lái	Có
-	Hệ thống điều hòa tự động 3 vùng độc lập	Có
-	Màn hình HUD	Có
-	Cụm đồng hồ taplo	Analog & Digital 7 inch
-	Màn hình trung tâm	8 inch
-	Hệ thống loa	10 loa Bose
-	Hệ thống kiểm soát hành trình	Có
-	Cửa sổ chỉnh điện lên- xuống tự động 1 chạm	Có
-	Sạc điện thoại không dây	Có
5	AN TOÀN	
-	Túi khí	6
-	Hệ thống camera 360 độ	Có
-	Cảm biến áp suất lốp TPMS	Có
	Cảm biến đỗ xe trước- sau	Có
-	Hệ thống cảnh báo điểm mù BSM	Có
-	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi RCTA	Có
-	Phanh tay điện tử tích hợp giữ phanh tự động	Có
-	Hệ thống cảnh báo chệch làn đường	Có
-	Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường	Có
-	Hỗ trợ phanh thông minh SBS	Có

-	Hỗ trợ phanh thông minh trong thành phố trước và sau	Có
-	Hệ thống kiểm soát hành trình tích hợp radar (mọi tốc độ) MRCC Stop & Go	Có
-	Hệ thống hỗ trợ lái trên đường cao tốc và kẹt xe	Có
-	Hệ thống lưu ý người lái nghỉ ngơi	Có
Tổng cộng (đã bao gồm VAT):		

Lưu ý:

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “Tương đương” hoặc “Tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT;

- Từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalogue, đặc tính thông số kỹ thuật hoặc xuất xứ nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương so với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho bất kỳ nhà thầu nào đó;

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có cấu hình, chỉ tiêu kỹ thuật không theo yêu cầu của E-HSMT mà nhà thầu có tài liệu chứng minh hàng hóa đó có công năng sử dụng tương đương với hàng hóa mời thầu và phù hợp với yêu cầu của người sử dụng. Tổ chuyên gia sẽ xem xét, đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa đó.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo bảng sau:

STT	Tên thiết bị theo E-HSMT	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Thông số kỹ thuật chào thầu	Mã hàng	Nhãn Hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tài liệu tham chiếu	Tuyên bố đáp ứng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hàng hóa 1:	- Tính năng kỹ thuật 1							Trang ... của Tài liệu tham chiếu	

Ghi chú:

- + Cột 1, 2, 3: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;
- + Cột 4,5,6,7,8,9: Nhà thầu ghi các thông tin của hàng hóa dự thầu;

+ *Cột 10: Nhà thầu ghi thông tin theo tài liệu chứng minh cho các thông tin nhà thầu kê khai tại cột (4); Trường hợp nhà thầu không chỉ rõ xem như nhà thầu không đáp ứng tiêu chí này.*

+ *Cột 11: Nhà thầu ghi khả năng đáp ứng của nhà thầu: **Đáp ứng, Tương Đương, Tốt hơn, Thấp hơn;***

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Nhà thầu cam kết trước khi giao hàng nếu Chủ đầu tư yêu cầu thì sẽ đi thực tế tại cơ sở sản xuất thiết bị để kiểm tra năng lực sản xuất, chất lượng thiết bị của nhà thầu/ nhà thầu phụ. Nhà thầu chuẩn bị tất cả các tài liệu cần thiết kèm theo (nếu cần) để chứng minh năng lực sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm đáp ứng theo hợp đồng ký kết. Toàn bộ chi phí nhà thầu chịu.